Số: 334/QĐ-UBND
Thời gian ký: 27/02/2023 15:48:56 +07:00

UBND TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Biểu số 03

KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 334 /QĐ-UBND ngày 24 / 02 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Tên đơn vị	Nhận thức số	Thể chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	An toàn thông tin mạng	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Điểm thưởng-Điểm trừ	Tổng điểm	Xếp hạng 2022
UBND XÃ TÓC TIÊN	1.5	10	3	10	2.5	28.27	2	7.5	-1	63.77	1
UBND XÃ XUYÊN MỘC	2	8	3	8.5	2.5	26.85	4	5	-1	58.85	2
UBND PHƯỜNG 8	2	9.5	3	9	2.5	26.31	3	4	-1	58.31	3
UBND XÃ SÔNG XOÀI	2	9	3	10	2.5	26.2	2	4.5	-1	58.2	4
UBND PHƯỜNG 5	1.5	9	3	9	2.5	27.85	2	4	-1	57.85	5
UBND XÃ TÂN LÂM	2	9	3	7	2.5	23.85	4	7.01	-1	57.36	6
UBND XÃ BÔNG TRANG	4	8	3	7	2.5	25.32	4	4	-1	56.82	7
UBND XÃ TÂN HƯNG	3.5	9	3	6	2.5	27.4	2	4	-1	56.4	8
UBND P.TÂN PHƯỚC	1.5	8.5	3	10	2.5	25.21	3	3.5	-1	56.21	9
UBND XÃ BÌNH BA	3	9	3	7.5	2.5	21.3	4	6.83	-1	56.13	10
UBND XÃ AN NGÃI	2	10	3	10	2.5	23.83	3	2	-1	55.33	11
UBND XÃ BÀU LÂM	1.5	9	3	8.5	2.5	23.8	4	4	-1	55.3	12
UBND PHƯỜNG 4	2	10	3	8	2.5	21.8	2	6	-1	54.3	13
UBND XÃ SUỐI RAO	2	9	3	7	2.5	23.34	4	4.2	-1	54.04	14
UBND XÃ HÒA HỘI	1	9	3	8	2.5	24.35	3	4	-1	53.85	15
UBND P.PHƯỚC NGUYÊN	1.3	9	3	7	2.5	25.35	1.5	5	-1	53.65	16
UBND P.NGUYỄN AN NINH	1.8	10	3	8	2.5	21.8	2	5.2	-1	53.3	17
UBND XÃ BƯNG RIỀNG	1	9	3	8	2.5	23.3	3.5	4	-1	53.3	18
UBND PHƯỜNG RẠCH DỪA	1.2	9	3	8	2.5	23.3	1	6.2	-1	53.2	19
UBND TT PHƯỚC BỬU	1.5	9	3	8	2.5	24.24	2	3.9	-1	53.14	20
UBND XÃ PHƯỚC HƯNG	2	10	3	10	2.5	21.35	1	4	-1	52.85	21
UBND XÃ PHƯỚC TỈNH	1	10	3	8	2.5	21.3	4	4	-1	52.8	22

Tên đơn vị	Nhận thức số	Thể chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	An toàn thông tin mạng	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Điểm thưởng-Điểm trừ	Tổng điểm	Xếp hạng 2022
UBND PHƯỜNG THẮNG TAM	2	9.5	3	8	2.5	21.29	1	5.8	-1	52.09	23
UBND PHƯỜNG 7	1.5	8.5	3	8	2.5	25.48	0	3.7	-1	51.68	24
UBND P.PHÚ MỸ	1	9	3	9	3	21.63	4	2	-1	51.63	25
UBND PHƯỜNG 9	2	9	3	8	2.5	22.3	0	5.7	-1	51.5	26
UBND XÃ ĐÁ BẠC	1.3	9	3	7	2.5	20.28	4	5.3	-1	51.38	27
UBND TT LONG ĐIỀN	2	10	3	10	2.5	20.34	1	3.5	-1	51.34	28
UBND PHƯỜNG 2	2	9	3	8	2.5	21.75	0	6	-1	51.25	29
UBND XÃ TÂN HẢI	1	7	3	8	2.5	22.25	4	4.31	-1	51.06	30
UBND XÃ LONG PHƯỚC	1	9	3	8	2.5	24.84	1	2.5	-1	50.84	31
UBND PHƯỜNG 1	2.5	9	3	8	2.5	24.34	0	2	-1	50.34	32
UBND P.PHƯỚC HIỆP	1	7	3	8	2.5	23.24	2	4.3	-1	50.04	33
UBND P.PHƯỚC TRUNG	1.5	8	3	8	2.5	21.8	0.5	5.5	-1	49.8	34
UBND P.LONG TOÀN	1.4	9	3	8	2.5	21.3	1	4.5	-1	49.7	35
UBND PHƯỜNG 12	1	9	3	8	2.5	22.35	0	4.5	-1	49.35	36
UBND XÃ KIM LONG	2.5	10	3	8	2.5	18.79	1	4.5	-1	49.29	37
UBND XÃ TÂN HÒA	1.83	7	3	8	2.5	21.38	1.5	5	-1	49.21	38
UBND PHƯỜNG THẮNG NHẤT	2	9	3	7	2.5	22.8	0	3.7	-1	49	39
UBND XÃ BÌNH CHÂU	0.5	9	3	8	2.5	22.8	2	2	-1	48.8	40
UBND XÃ TAM PHƯỚC	1	9	3	10	2.5	20.3	0.5	3.3	-1	48.6	41
UBND XÃ HÒA HƯNG	0.5	9	3	8	2.5	23.3	0	3.2	-1	48.5	42
UBND XÃ CHÂU PHA	3	9	3	7	2.5	20.87	0	4	-1	48.37	43
UBND XÃ LÁNG DÀI	1.5	9	3	7	2.5	23.3	1	2	-1	48.3	44
UBND PHƯỜNG 3	2.5	9	3	8	2.5	22.3	0	2	-1	48.3	44
UBND XÃ LONG MỸ	1.3	9	3	6	2.5	20.29	3	4	-1	48.09	46
UBND XÃ PHƯỚC LONG THỌ	2	9	3	8	2.5	20.02	0.5	4	-1	48.02	47
UBND XÃ XUÂN SƠN	1	7	3	7.5	2.5	21.28	1	5.7	-1	47.98	48
UBND P.PHƯỚC HƯNG	2.5	9	3	7	2.5	21.29	1	2.5	-1	47.79	49
UBND P.HẮC DỊCH	1	8.3	3	9	2.5	22.33	0	2	-1	47.13	50

Tên đơn vị	Nhận thức số	Thể chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	An toàn thông tin mạng	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Điểm thưởng-Điểm trừ	Tổng điểm	Xếp hạng 2022
UBND XÃ LỘC AN	1	9	3	8	2.5	20.25	1	3.3	-1	47.05	51
UBND XÃ HÒA BÌNH	1.2	8	3	8	2.5	23.3	0	2	-1	47	52
UBND TT LONG HẢI	1	10	3	9	2.5	19.81	0.5	2	-1	46.81	53
UBND XÃ PHƯỚC TÂN	1	9	3	8	2.5	22.3	0	2	-1	46.8	54
UBND PHƯỜNG 11	1	6.9	3	8	2.5	21.79	0	4.5	-1	46.69	55
UBND TT NGÃI GIAO	1.5	7	3	8	2.5	19.34	1	5	-1	46.34	56
UBND XÃ NGHĨA THÀNH	1	9	3	7.5	2.5	19.29	0.5	4.2	-1	45.99	57
UBND P.LONG TÂM	1.3	9	3	8	2.3	20.26	1	2	-1	45.86	58
UBND XÃ LONG TÂN	1	9	3	6	2.5	22.34	0.5	2.5	-1	45.84	59
UBND XÃ SUỐI NGHỆ	2	9	3	8	2.5	19.8	0	2.5	-1	45.8	60
UBND P.KIM DINH	1	9	3	7	2.5	20.8	1	2.5	-1	45.8	60
UBND PHƯỜNG 10	2.5	9	3	8	1.5	20.76	1	1	-1	45.76	62
UBND XÃ HÒA LONG	1	9	3	7.5	2.5	21.2	0.5	2	-1	45.7	63
UBND XÃ BÌNH GIÃ	1.2	9	3	8.5	2.5	20.29	0	2	-1	45.49	64
UBND XÃ CÙ BỊ	1.5	7.67	3	7.5	2.5	18.27	1.5	4.5	-1	45.44	65
UBND P.LONG HƯƠNG	2.5	9	3	7	2.5	20.08	0	2	-1	45.08	66
UBND XÃ BÀU CHINH	2	9	3	7	2.5	19.76	0.5	2.3	-1	45.06	67
UBND XÃ XÀ BANG	1.5	9	3	8	2.5	18.25	0.5	3.2	-1	44.95	68
UBND XÃ PHƯỚC THUẬN	1	9	3	6	1.5	23.35	0	2	-1	44.85	69
UBND PHƯỜNG THẮNG NHÌ	1	8	3	8	2.5	20.3	1	2	-1	44.8	70
UBND XÃ HÒA HIỆP	1.5	8	3	7.5	2.5	21.8	0	1.4	-1	44.7	71
UBND XÃ LÁNG LỚN	2.5	9	3	8	2.5	18.3	0	2.2	-1	44.5	72
UBND XÃ PHƯỚC HỘI	1.25	9	3	8	2.5	19.22	0.5	2	-1	44.47	73
UBND XÃ AN NHỨT	1	7	3	9	2.5	20.29	0	2.5	-1	44.29	74
UBND XÃ BÌNH TRUNG	1	9	3	7	2.5	16.5	4	2.2	-1	44.2	75
UBND XÃ QUẢNG THÀNH	1.5	9	3	8	2.5	18.8	0	2.2	-1	44	76
UBND XÃ LONG SƠN	0	9	3	8	2.5	20.21	0	2.2	-1	43.91	77
UBND XÃ SƠN BÌNH	1.5	9	3	7	2.5	17.3	0.5	2.5	-1	42.3	78

Tên đơn vị	Nhận thức số	Thể chế số	Hạ tầng số	Nhân lực số	An toàn thông tin mạng	Chính quyền số	Kinh tế số	Xã hội số	Điểm thưởng-Điểm trừ	Tổng điểm	Xếp hạng 2022
UBND TT ĐẤT ĐỎ	1.5	9	3	7	0.5	19.35	0	2	-1	41.35	79
UBND TT PHƯỚC HẢI	1	9	3	7	2.5	17.8	0	1.5	-1	40.8	80
UBND P.PHƯỚC HÒA	1	8.5	3	7	1.5	19.24	0	1	-1	40.24	81
UBND P.MỸ XUÂN	0	6	3	8	2	16.72	0	1	-1	35.72	82